

được liệu có nhu cầu sử dụng lớn và giá trị kinh tế cao và nhu cầu sử dụng lớn; tạo ra và duy trì nguồn gen cây thuốc, trồng cây thuốc sẵn có ở địa phương phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân.

e) Bộ Thương mại phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Tài chính (Tổng.cục Hải quan) quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, đồng thời xây dựng cơ chế tạo thuận lợi cho việc xuất khẩu dược liệu và thuốc y học cổ truyền của Việt Nam.

g) Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan thực hiện các quy định tại các Điều 18, 19, 24 và Điều 26 của Luật Di sản văn hóa về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của y dược học cổ truyền.

h) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo ngành y tế địa phương phối hợp với các ngành, các tổ chức xã hội có liên quan quán triệt và triển khai đầy đủ những nội dung và giải pháp của chính sách quốc gia về y dược học cổ truyền đến năm 2010; tạo điều kiện thuận lợi để các Hội Đông y và Hội Châm cứu hoạt động và phát triển, góp phần tích cực vào sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo các ban, ngành có liên quan, phối hợp với các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp

ở địa phương tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân khôi phục phong trào trồng, sử dụng các "cây thuốc gia đình" và những phương pháp chữa bệnh đơn giản không dùng thuốc để phòng và chữa một số chứng bệnh thông thường tại cộng đồng. Việc trồng "cây thuốc gia đình" cần gắn liền với phát triển kinh tế, cải tạo môi trường và xóa đói giảm nghèo của địa phương./.

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 223/2003/QĐ-TTg ngày 03/11/2003 phê duyệt Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cho Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số

điều của Luật Đất đai ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 4392/BKH-VPTĐ ngày 12 tháng 7 năm 2002 và Công văn số 8231/BKH-VPTĐ ngày 26 tháng 12 năm 2002), ý kiến của các Bộ: Khoa học, Công nghệ và Môi trường nay là Bộ Khoa học và Công nghệ (Công văn số 3211/BKH-CNMT-VPTĐ ngày 17 tháng 11 năm 2001), Tài chính (Công văn số 11905/TC-ĐT ngày 11 tháng 12 năm 2001), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 512/BNN-PTLN ngày 27 tháng 02 năm 2002), Công nghiệp (Công văn số 880/CV-KHĐT ngày 14 tháng 3 năm 2002), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Công văn số 214/NHNN-TD ngày 01 tháng 3 năm 2002), Tổng cục Địa chính nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 199/TCĐC-ĐKTK ngày 04 tháng 3 năm 2002),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cho Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa, gồm các nội dung sau đây:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cho Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Tổng công ty Giấy Việt Nam.

3. Mục tiêu chính của dự án:

Giai đoạn I: Khai thác tre, nứa từ rừng tự nhiên, luồng từ rừng trồng hiện có và từ rừng luồng trồng mới để cung cấp đủ 250.000 tấn nguyên liệu các loại/năm cho Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa công suất 50.000 tấn bột giấy/năm.

Giai đoạn II: Sẽ được quyết định sau, căn cứ vào quy hoạch chi tiết vùng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quy mô diện tích sử dụng cho dự án: Giai đoạn I sử dụng vùng luồng hiện có; trồng mới khoảng 4.700 ha do chủ đầu tư và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy hoạch và bố trí cụ thể.

5. Địa điểm thực hiện dự án gồm các huyện: Mường Lát, Quan Sơn, Quan

Hóa, Bá Thước, Lang Chánh, Ngọc Lặc và Cẩm Thủy thuộc tỉnh Thanh Hóa.

6. Nội dung đầu tư:

- Đầu tư trồng mới rừng nguyên liệu giấy.
- Quản lý bảo vệ rừng nguyên liệu giấy.
- Đầu tư xây dựng mạng lưới đường vận chuyển từ bãi I ra bãi II.
- Đầu tư cho nghiên cứu khoa học.
- Đầu tư khuyến nông, khuyến lâm.

7. Vốn đầu tư và nguồn vốn:

a) Vốn đầu tư dự kiến bao gồm các nguồn sau:

- Ngân sách nhà nước: 123.863,5 triệu đồng.
- Vốn vay tín dụng ưu đãi: 844.177,5 triệu đồng.
- Vốn tự có của dân: 29.413,9 triệu đồng.

Giai đoạn từ 2002 đến 2005 đầu tư: 469.555,6 triệu đồng.

Giai đoạn từ 2006 đến 2010 đầu tư: 464.578,0 triệu đồng.

Năm 2011 đầu tư: 63.321,2 triệu đồng.

Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước sử dụng đầu tư cho trồng,

chăm sóc kiến thiết cơ bản, bảo vệ rừng đối với rừng trồng; mua sắm thiết bị.

Phân chi phí đầu tư cho khuyến nông, khuyến lâm, nghiên cứu khoa học, đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Huy động vốn tự có của dân tham gia vào xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển vùng nguyên liệu.

b) Tổng vốn đầu tư dự kiến trên đây phải được xác định lại cụ thể sau khi Tổng công ty Giấy Việt Nam đã xác định cụ thể vị trí và diện tích đất, loại cây để trồng mới rừng nguyên liệu giấy cho giai đoạn I và các hạng mục đầu tư của dự án.

8. Tổ chức thực hiện dự án:

Dự án tổ chức thực hiện theo mô hình gắn vùng nguyên liệu với nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa thành một công ty chung. Nhà máy có trách nhiệm chăm lo phát triển vùng nguyên liệu, tổ chức tốt mối quan hệ hoặc liên doanh liên kết với các đơn vị và hộ gia đình trồng rừng nguyên liệu giấy thông qua các hợp đồng kinh tế hoặc tổ chức thành Công ty cổ phần, trong đó nhà máy giấy và các đơn vị trồng rừng là các cổ đông nhằm gắn bó lợi ích kinh tế giữa

người trồng rừng và nhà máy, bảo đảm cung cấp ổn định lâu dài nguyên liệu cho nhà máy.

Trước mắt, khi Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa chưa đi vào sản xuất, thành lập Công ty nguyên liệu giấy Thanh Hóa trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam. Chuyển Trung tâm nghiên cứu luồng Ngọc Lặc và 3 lâm trường trong vùng nguyên liệu: Lâm trường Bá Thước, lâm trường Cẩm Thủy, lâm trường Luồng (huyện Lang Chánh) sang trực thuộc Công ty này.

9. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2002 đến 2011. Trước mắt cho triển khai ngay việc trồng rừng, bảo đảm đủ nguyên liệu cho giai đoạn I và quy hoạch chi tiết đất trồng rừng phục vụ giai đoạn II của nhà máy.

10. Về cơ chế, chính sách đối với dự án trồng rừng nguyên liệu giấy Thanh Hóa:

- Các tổ chức, hộ gia đình trồng rừng nguyên liệu giấy (chủ rừng) cho dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chỉ đạo việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp để các chủ đất yên tâm đầu tư trồng rừng nguyên liệu cho nhà máy giấy.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối phần vốn ngân sách đầu tư cho xây dựng cơ sở

hạ tầng thuộc vùng dự án và kinh phí giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhận nguồn vốn này và chỉ đạo thực hiện theo nội dung dự án.

Điều 2. Trên cơ sở quyết định phê duyệt dự án khả thi đầu tư phát triển vùng nguyên liệu giấy cho Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa, giao Bộ trưởng Bộ Công nghiệp chỉ đạo chủ đầu tư rà soát và tính toán chi tiết các dự án thành phần, xác định cụ thể quy mô diện tích vùng nguyên liệu, khối lượng cụ thể của các hạng mục đầu tư và tổng mức vốn đầu tư, trên cơ sở bảo đảm tiến độ và hiệu quả của dự án để xem xét và phê duyệt theo quy định hiện hành.

Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tiến hành công tác quy hoạch, xác định cụ thể, chi tiết diện tích đất chuyên canh trồng rừng nguyên liệu cho Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa giai đoạn II theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 98/TB-VPCP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Văn phòng Chính phủ, bảo đảm đủ đất phát triển vùng nguyên liệu giấy cho nhà máy, trên cơ sở bảo đảm năng suất cây trồng và cự ly vận chuyển hiệu quả nhất, xác định lại tổng mức đầu tư hợp lý, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chỉ đạo chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án theo nội dung nêu trong Quyết định này, bảo đảm đủ nguyên liệu cho Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa hoạt động ổn định.

Điều 4. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện quy hoạch đảm bảo đủ diện tích đất trồng rừng nguyên liệu cho Nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Thanh Hóa.

Điều 5. Điều khoản thi hành:

- Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

- Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam, Tổng giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

CÁC BỘ

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông số 144/2003/QĐ-BBCVT ngày 14/8/2003 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý chất lượng Khu vực 2 trực thuộc Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 38/2003/QĐ-BBCVT ngày 12/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ